

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2026
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Huân và bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực A – Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:** Ông Nông Thiêm Mẫn- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A, Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLST- HNGĐ ngày 10/11/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nông Văn H, sinh năm 1983

Nơi thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

*** Bị đơn:** Chị Tô Thị L, sinh năm 1991

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang ở Hàn Quốc. Vắng mặt

*** Người làm chứng:**

- Bà Hoàng Thị E, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

- Bà Chu Thị M, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn (anh Nông Văn H)**

trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn H chung sống với chị Tô Thị L như vợ chồng từ năm 2008, năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên), kết hôn tự nguyện. Năm 2018 chị L có sang Hàn Quốc thăm người thân sau đó ở lại lao động tại Hàn Quốc và cũng từ đó anh H cũng không thể liên lạc được với chị L do chị L đã chặn số liên lạc, tuy nhiên chị L vẫn liên lạc với mẹ đẻ anh H (bà Hoàng Thị E) và cháu Nông Duy B (con anh H). Khi anh H có ý định ly hôn chị L, anh H có liên lạc được với chị L qua ứng dụng zalo từ điện thoại của anh H, chị L có nghe máy và nhất trí ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L đã lâu không còn quan tâm đến gia đình và con cái nên anh H đề nghị được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Nông Văn H và chị Tô Thị L có 01 người con chung tên là Nông Duy B, sinh ngày 28/10/2009, cháu B hiện sức khỏe tốt, phát triển bình thường, hiện đang là học sinh lớp 11 trường THPT N, Thái Nguyên.

Từ khi chị đi sang Hàn Quốc đến năm 2024 cháu Bách do một mình anh H chăm sóc, nuôi dưỡng (*anh H chỉ nghe thông tin từ cháu B kể lại thỉnh thoảng chị L có gửi tiền về cho mẹ đẻ chị L để nhờ mẹ đẻ chị L đưa tiền cho cháu B còn chị L mỗi lần gửi về bao nhiêu tiền và mẹ chị L đưa cho cháu B bao nhiêu tiền thì anh H không biết*). Từ giữa năm 2024 cháu B ôn thi vào lớp 10 trường THPT N, tỉnh Bắc Kạn thì cháu B đã xin chuyển về sinh sống cùng bà ngoại là Chu Thị M (mẹ đẻ chị L) đến nay. Mọi chi phí học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu B đều do chị L gửi tiền từ nước ngoài về còn chị L gửi trực tiếp cho cháu B hay gửi cho bà ngoại cháu B và số tiền gửi bao nhiêu anh H không biết.

Khi ly hôn nếu cháu B có nguyện vọng được sống với chị L, nếu bố mẹ chị L cũng đồng ý giúp chị L chăm sóc cháu B trong thời gian chị L đang lao động ở nước ngoài chưa về Việt Nam thì anh H đồng ý giao cháu B cho chị L và mẹ chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con hàng tháng anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa Bị đơn (chị Tô Thị L) không có mặt tại Tòa án. Tại biên bản làm việc ngày 28/11/2025 với Tòa án và bản tự khai ngày 04/12/2025, chị Tô Thị L trình bày như sau:*

Chị Tô Thị L kết hôn với anh Nông Văn H năm 2009, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên). Năm 2018 chị L có sang Hàn Quốc thăm người thân của chị L và ở lại lao động tại Hàn Quốc cho đến nay thì chị L chưa bố trí về Việt Nam thăm gia đình, anh H và con

lần nào, tuy nhiên chị L vẫn liên lạc với con và mẹ đẻ anh H và mẹ đẻ của chị L. Khi anh H có đơn xin ly hôn mẹ đẻ anh H có liên lạc và thông tin cho chị L qua dịch vụ Zalo từ điện thoại anh H nên chị L biết về việc anh H xin ly hôn chị L và chị L cũng nhất trí ly hôn với anh H. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, nên chị L đồng ý ly hôn với anh Nông Văn H.

Về con chung: Chị L và anh H có 01 người con chung là cháu Nông Duy B, sinh ngày 28/10/2009, cháu B hiện sức khỏe tốt, phát triển bình thường, hiện đang là học sinh lớp 11 trường THPT N, Thái Nguyên.

Từ khi chị L đi sang Hàn Quốc cháu B vẫn ở cùng anh H và do anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ năm học 2024 cháu B ôn thi vào lớp 10 trường THPT N, cháu B đã có nguyện vọng về sinh sống cùng bà ngoại là bà Chu Thị M, chị L và anh H đều biết và không có ý kiến gì. Mọi chi phí học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu B đều do chị L chịu trách nhiệm.

Khi ly hôn nếu cháu B muốn được chung sống cùng mẹ và bà ngoại của cháu B, chị L và gia đình đồng ý. Do hiện nay chị L chưa về Việt Nam ngay được nên trước mắt mẹ đẻ chị L là bà Chu Thị M sẽ là người trực tiếp hỗ trợ chị L chăm sóc cháu B, mọi chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng do chị L chịu trách nhiệm cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử của Tòa án.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2025, người làm chứng bà Hoàng Thị E (là mẹ đẻ anh H) trình bày:*

Anh H kết hôn với chị L năm 2009, kết hôn tự nguyện, quá trình chung sống anh H và chị L tình cảm hòa thuận không chửi mắng nhau bao giờ. Khoảng năm 2018 chị L có sang Hàn Quốc thăm người thân của chị L nhưng từ khi sang Hàn Quốc cho đến nay thì chị L không về Việt Nam thăm gia đình, anh H và con lần nào, tuy nhiên chị L vẫn liên lạc điện thoại với bà E và con của chị L, anh Hòa là cháu Nông Duy B. Khi biết anh H có đơn xin ly hôn bà E có liên lạc với chị L qua ứng dụng zalo từ điện thoại và nói cho chị L biết về việc anh H xin ly hôn chị L và chị L cũng nhất trí ly hôn, chị L nhất trí giao con cho anh H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Về con chung: Anh H và chị L có 01 người con chung là cháu Nông Duy B, sinh

ngày 28/10/2009, cháu B hiện sức khỏe tốt, phát triển bình thường, hiện đang là học sinh lớp 11 trường THPT N, Thái Nguyên.

Từ năm cháu B ôn thi vào lớp 10 trường THPT N cháu B đã xin chuyển về sinh sống cùng bà ngoại là Chu Thị M đến nay. Mọi chi phí học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu B đều do chị L gửi tiền từ nước ngoài về còn chị L gửi trực tiếp cho cháu B hay gửi cho bà ngoại cháu B và số tiền gửi bao nhiêu bà E không biết. Khi anh H và chị L ly hôn, bà E đề nghị: Cháu B có từ nhỏ đã do anh H và bà E chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ly hôn đề nghị giao con cho anh H nuôi dưỡng, bà E và gia đình sẽ hỗ trợ anh H nuôi con.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2025, người làm chứng bà Chu Thị M (mẹ đẻ chị L) trình bày:*

Chị L kết hôn với anh H năm 2009, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng anh H chung sống tại quê anh H. Năm 2018 chị L có sang Hàn Quốc thăm người thân của chị L sau đó chị L xin ở lại làm công nhân tại Hàn Quốc. Từ khi sang Hàn Quốc cho đến nay thì chị L chưa về Việt Nam thăm gia đình, tuy nhiên chị L vẫn liên lạc thường xuyên với bà M và con của chị L, anh H là cháu Nông Duy B. Khi biết anh H có đơn xin ly hôn tôi có liên lạc và thông tin cho chị L qua dịch vụ za lo từ điện thoại và nói cho chị L biết về việc anh H xin ly hôn chị L và chị L cũng nhất trí ly hôn. Việc anh H đề nghị được ly hôn với chị L là do các con quyết định tôi không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh H và chị L có 01 người con chung là cháu Nông Duy B, sinh ngày 28/10/2009, cháu B hiện sức khỏe tốt, phát triển bình thường, hiện đang là học sinh lớp 11 trường THPT N, Thái Nguyên.

Từ dịp nghỉ hè năm 2024 cháu B đã về sinh sống cùng với bà M đến nay, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày của cháu B đều do chị L gửi tiền từ nước ngoài về cho bà M, còn tiền chi phí học tập của cháu B chị L gửi trực tiếp cho cháu B còn mỗi lần chị L gửi số tiền gửi bao nhiêu bà M không biết.

Hiện nay cháu B vẫn đang sống cùng nhà với bà M, khi ly hôn cháu B có nguyện vọng muốn được sống cùng chị L và bà M, bà M và gia đình đồng ý giúp chị L chăm sóc cháu B đến khi cháu đủ 18 tuổi. Khi chị L hết thời gian lao động về Việt Nam thì chị L và cháu B sẽ ở cùng nhà với bà M, còn nếu chị L muốn làm nhà ra ở riêng thì bà M và gia đình sẽ chia đất của gia đình cho hai mẹ con chị L để làm nhà ở. Về thu nhập hàng tháng của chị L được bao nhiêu thì bà M không biết, nhưng khoản tiền hàng tháng chị L gửi về cho bà M và cháu B đủ trang trải mọi chi phí sinh hoạt, chi phí học tập hàng ngày của cháu B.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2025, cháu Nông Duy B (là con của anh Nông Văn H và chị Tô Thị L) trình bày:*

Từ cuối năm cháu B học lớp 9, bố cháu (Nông Văn H) hay nói chửi bảo cháu là: Bây giờ cháu muốn ở với ai thì ở, thấy bố nói nhiều lần như thế nên cháu B đã xin về sống cùng với ông bà ngoại ở từ khi học xong lớp 9 cho đến nay, thỉnh thoảng vào dịp nghỉ hè cháu B có về nhà sống với bố một thời gian ngắn nhưng cháu B chủ yếu sống ở nhà ông bà Ngoại là chính. Hiện nay cháu đang sinh sống với ông bà ngoại, mọi chi phí học tập và sinh hoạt hàng ngày do mẹ cháu ở nước ngoài gửi tiền về trực tiếp cho bà ngoại (Chu Thị M) và cho cháu.

Việc bố cháu làm đơn xin ly hôn với mẹ bản thân cháu không có ý kiến gì vì từ khi cháu lớn lên cháu thấy bố mẹ hay thường xuyên cãi vã nhau, nhiều lần phải gọi ông bà nội xuống hòa giải. Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn được sống với mẹ và bà Ngoại vì hàng ngày mẹ L và bà ngoại là người trực tiếp quan tâm chăm sóc cháu nhiều hơn.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được triệu tập, niêm yết công khai đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35, 39; 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn H được ly hôn chị Tô Thị L

Về nuôi con chung: Anh Nông Văn H và chị Tô Thị L có 01 con chung là cháu Nông Duy B, sinh ngày 28/10/2009. Giao cháu Nông Duy B cho chị Tô Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Anh H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn, bị đơn hiện đều có đăng ký thường trú tại xã Na Rì, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân khu vực A – Thái Nguyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Ngày 10/11/2025, Tòa án nhân dân khu vực A –Thái Nguyên thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành gửi, giao và niêm yết các văn bản tố tụng theo các Điều 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không lấy được lời khai của bị đơn, không hoà giải được là do bị đơn vắng mặt tại địa phương. Qua xác minh, lấy lời khai qua mẹ đẻ của nguyên đơn anh Nông Văn H và mẹ đẻ bị đơn chị Tô Thị L thấy tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án chị Tô Thị L vẫn có đăng ký thường trú tại thôn B, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nông Văn H, gia đình chị L và chị L đều biết được thông tin về anh H đang có đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn với chị L tại Tòa án. Tại biên bản làm việc ngày 28/11/2025 của Tòa án với bị đơn chị Tô Thị L qua ứng dụng zalo bằng điện thoại với sự có mặt chứng kiến của đại diện gia đình (mẹ đẻ anh H, mẹ đẻ chị L, con chung của anh H chị L và Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A- Thái Nguyên), bị đơn chị L có ý kiến: Khi anh H có đơn xin ly hôn chị L mẹ anh H có liên lạc và thông tin cho chị L qua ứng dụng Zalo từ điện thoại anh H nên chị L biết về việc anh H xin ly hôn chị L và chị L cũng nhất trí ly hôn với anh H, đồng thời chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử của Tòa án, mọi văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt cho chị L, chị L đề nghị Tòa án tổng đạt qua người thân là mẹ đẻ của chị L là bà Chu Thị M.

Việc Tòa án không tiến hành hòa giải sau khi có đề nghị của bị đơn chị Tô Thị L và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn H và chị Tô Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tự nguyện và hợp pháp năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng đã có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng kể từ năm 2018, sau khi chị Tô Thị L đi xuất cảnh sang Hàn Quốc không trở về Việt Nam thăm gia đình, không quan tâm tới anh H và con nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không có hạnh phúc. Kể từ năm 2018 anh H và chị L sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau nên quá trình giải quyết vụ án cả anh H và chị L đều có lời khai đồng ý ly hôn.

Điều 56. Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.

Tại mục 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình *Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định:*

“...3. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” là thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng...”

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 27 và ngày 28/11/2025, bà Hoàng Thị E (là mẹ đẻ anh H) và bà Chu Thị M (mẹ đẻ chị L) cung cấp thông tin: Khi biết anh H có đơn xin ly hôn bà E và bà M có liên lạc và thông tin cho chị L qua ứng dụng zalo từ điện thoại và nói cho chị L biết về việc anh H xin ly hôn chị L và chị L cũng nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi chị Tô Thị L đi xuất cảnh thăm người thân và làm lao động tại Hàn Quốc từ năm 2018 đến nay chị L đã không về Việt Nam thăm anh H và con, không còn quan tâm đến gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mặc dù trước khi ly hôn giữa hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau nhưng do vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, không còn quan tâm đến nhau nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng đoàn tụ, do vậy, việc anh H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn với chị L là có căn cứ cần được xem xét chấp nhận. Chị L xác định hôn nhân không còn hạnh phúc nên cũng nhất trí ly hôn với anh H.

[3.2] *Về nuôi con chung:* Anh Nông Văn H và chị Tô Thị L có 01 người con chung là cháu Nông Duy B, sinh ngày 28/10/2009 (hiện nay đang sinh sống cùng bà Chu Thị M là mẹ đẻ chị L).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/11/2025 cháu B trình bày: Khi anh Nông Văn H và chị Tô Thị L ly hôn cháu Bách có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L và bà Ngoại.

Tại biên bản làm việc ngày 28/11/2025, TAND khu vực A – Thái Nguyên tổ chức lấy ý kiến của chị Tô Thị L là bị đơn trong vụ án qua ứng dụng zalo điện thoại để làm rõ ý kiến của chị L về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn và các vấn đề về tài sản

chung, nợ chung với sự chứng kiến và tham dự của anh Nông Văn H, bà Hoàng Thị E (mẹ đẻ anh H), bà Chu Thị M (mẹ đẻ chị L), cháu Nông Duy B. Tại buổi làm việc anh H và chị L nhất trí giao con chung cho chị L là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà Chu Thị M (mẹ chị L) cũng đồng ý giúp chị L chăm sóc cháu B trong thời gian chị L đang ở Hàn Quốc cho đến khi chị L về Việt Nam hoặc đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị E đề nghị: Cháu B từ nhỏ đã do anh H và bà E chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ly hôn đề nghị giao cho anh H nuôi dưỡng bà E và gia đình sẽ hỗ trợ anh H nuôi con.

Tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình *Giải quyết việc nuôi con khi ly hôn quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định:*

“1. Khi xem xét “*quyền lợi về mọi mặt của con*” quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí sau đây: a) *Điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột;* b) *Quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi;* c) *Sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ;* d) *Sự quan tâm của cha, mẹ đối với con;* đ) *Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con;* e) *Nguyên vọng của con được ở cùng với anh, chị, em (nếu có) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con;* g) *Nguyên vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ...*”

Hội đồng xét xử thấy việc chăm sóc con chung đã có sự nhất trí của anh H, chị L và bà M (mẹ đẻ chị L), cháu Nông Duy B hiện đang sống và học tập ổn định với bà ngoại của cháu là bà Chu Thị M. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ toàn diện về thể chất và tinh thần cho con chung của anh H và chị L, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu Nông Duy B cho chị Tô Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại thời điểm xét xử do chị Tô Thị L chưa về Việt Nam ngay được nên bà Chu Thị M là người trực tiếp có trách nhiệm hỗ trợ chị Tô Thị L chăm sóc cháu B trong thời gian chị L còn làm việc tại Hàn Quốc cho đến khi chị L về Việt Nam hoặc cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi

Vì lợi ích của con, trong quá trình nuôi dưỡng, nếu thấy cần thiết các đương sự có quyền thỏa thuận, hoặc khởi kiện quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, các khoản nợ chung: Anh H, chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35, 39; 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn anh Nông Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn H được ly hôn chị Tô Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Duy B, sinh ngày 28/10/2009 cho chị Tô Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Nông Văn H và chị Tô Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nông Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Bà Chu Thị M và gia đình có trách nhiệm hỗ trợ chị Tô Thị L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Duy B trong thời gian chị L còn làm việc tại Hàn Quốc cho đến khi chị L về Việt Nam hoặc cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nông Văn H không yêu cầu nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Anh Nông Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của vụ án Hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002125 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND khu vực A, Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực A- Thái Nguyên;
- UBND xã N, Thái Nguyên
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hiền Công Hanh